

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{ĐG} = G \pm \Delta_G + \Delta_{UĐ}$$

Trong đó:

- G là giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- $\Delta_{UĐ}$  là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;
- $\Delta_G$  là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng, bao gồm :
  - + Chi phí lãi vay (nếu có): *Không áp dụng.*
  - + Chất lượng dịch vụ: *Thông qua số vụ bồi thường và việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm công trình tương tự theo mô tả bên dưới.*
  - + Đấu thầu bền vững (nếu có): *Không áp dụng.*
  - + Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP: *Không áp dụng.*
  - + Các yếu tố khác: Đảm bảo phí bảo hiểm tuân thủ quy định tại Khoản 2, Điều 37, Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023.

\* **Trường hợp 1:** Nếu  $G \geq 75\% \times G_{KH}$  thì  $\Delta_G = 2\% \times G_{KH} \times \frac{75\%}{G} \times G_{KH} + n_1 \times 5\% \times G_{KH} + n_2 \times 3\% \times G_{KH}$

\* **Trường hợp 2:** Nếu  $G < 75\% \times G_{KH}$  thì  $\Delta_G = G - 75\% \times G_{KH} - 2\% \times G_{KH} \times \frac{75\%}{G} \times G_{KH} + n_1 \times 5\% \times G_{KH} + n_2 \times 3\% \times G_{KH}$

Trong đó:

- G là giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- $G_{KH}$  là giá gói thầu được phê duyệt tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 20/05/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- $n_1$ : Số vụ bồi thường/Số vụ việc nhà thầu từng thực hiện xử lý tổn thất trong hợp đồng bảo hiểm thi công xây dựng công trình giao thông cấp II từ năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu đính kèm hợp đồng bảo hiểm, tài liệu xác định loại công trình, thư chấp nhận bồi thường của Chủ đầu tư và tài liệu chứng minh nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ bồi thường tương ứng với giá trị chấp nhận bồi thường.

-  $n_2$ : Số lượng hợp đồng tương tự được xác định cụ thể theo các trường hợp sau đây:

(+) Đối với nhà thầu độc lập: Mỗi hợp đồng đáp ứng theo yêu cầu tại TT số 4, Bảng số 01, Mục 2, Chương III Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT được tính bằng 1. Mỗi hợp đồng có tính chất tương tự đáp ứng theo yêu cầu tại TT số 4, Bảng số 01, Mục 2, Chương III Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT nhưng có giá trị thấp hơn đến 50% yêu cầu được tính bằng 0,3. Mỗi hợp đồng có tính chất tương tự đáp ứng theo yêu cầu tại TT số 4, Bảng số 01, Mục 2, Chương III Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT nhưng có giá trị thấp hơn dưới 50% đến 75% yêu cầu được tính bằng 0,1.

(++) Đối với nhà thầu liên danh: Mỗi hợp đồng đáp ứng theo yêu cầu tại TT số 4, Bảng số 01, Mục 2, Chương III Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT được tính bằng 1 x (nhân với) tỷ lệ liên danh của nhà thầu, mỗi hợp đồng có tính chất tương tự đáp ứng theo yêu cầu tại TT số 4, Bảng số 01, Mục 2, Chương III Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT nhưng có giá trị thấp hơn đến 50% yêu cầu được tính bằng 0,3 x (nhân với) tỷ lệ liên danh của nhà thầu. Mỗi hợp đồng có tính chất tương tự đáp ứng theo yêu cầu tại TT số 4, Bảng số 01, Mục 2, Chương III Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT nhưng có giá trị thấp hơn dưới 50% đến 75% yêu cầu được tính bằng 0,1 x (nhân với) tỷ lệ liên danh của nhà thầu.

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.